TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 01 – 4 – 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 60/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn L**.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lý B**, địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện uỷ quyền, theo giấy uỷ quyền ngày 18 tháng 12 năm 2024); (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần Văn K**.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn ông Trần Văn L và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, ông Lý B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Tháng 9 năm 2019 ông Trần Văn L cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Ông K có đóng lãi cho ông L bao nhiêu thì không nhớ. Ông L nhiều lần đòi nhưng ông K không trả số tiền còn nợ. Trong phiên hoà giải ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tổ hoà giải ấp H, ông K với ông L thống nhất với nhau, ông K thừa nhận còn nợ ông L số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Nhưng hoà giải không thành, nên ông L khởi kiện tại Toà án yêu cầu ông K trả nợ vay gồm: Nợ gốc với số tiền nêu trên và tiền lãi kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 với mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 29.880.000 đồng, còn tiền lãi trước đó thì ông L không yêu cầu trả.

Tại phiên toà, ông Lý B yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông K trả cho ông L tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày hoà giải tại ấp An Hoà ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01 tháng 4 năm 2025 là 1.200.000 đồng.

2. Đối với bị đơn ông Trần Văn K: Ông Trần Văn K đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng ông K đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Toà án cũng không lấy lời khai của ông K được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Trần Văn K chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền vay và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn L yêu cầu ông Trần Văn K trả lại tiền vay; Theo xác nhận thông tin về nơi cư trú ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Trưởng Ban nhân dân ấp H, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng thì ông Trần Văn K hiện nay đăng ký cư trú ấp H, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên toà, bị đơn ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền vốn vay:

Nguyên đơn ông L yêu cầu bị đơn ông K trả tiền gốc; ông Trần Văn K không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Toà án cũng không lấy lời khai được.

Theo biên bản hoà giải ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tổ hoà giải ấp H, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng có ghi nhận ý kiến trình bày của ông Trần Văn L và ông Trần Văn K, ông K thừa nhận có nợ ông L 50.000.000 đồng, nhưng hai bên không thoả thuận được vì yêu cầu trả nợ ngay, nên hoà giải không thành.

Trong biên bản hoà giải, thành phần Tổ hoà giải gồm có: Ông Nguyễn Minh D, chức vụ: Tổ trưởng và là người ký tên xác nhận biên bản; ông Nguyễn Tiến D1, chức vụ: Tổ phó; ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Tổ viên. Căn cứ vào biên bản thu thập chứng cứ của Toà án ngày 01 tháng 4 năm 2025, thì ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Tiến D1 xác nhận: Biên bản hoà giải ngày 17 tháng 12 năm 2024 được ghi nhận với nội dung như trên là đúng sự thật, ông Nguyễn Minh D không tiến hành hoà giải, nhưng có ký tên vào biên bản, vì ông D là Tổ trưởng; ông Nguyễn Minh D không hoà giải nhưng có ký tên vào biên bản là đúng sự thật.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định việc ông K còn nợ ông L tiền vốn vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là đúng sự thật.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Văn K trả nợ vốn

vay và lãi kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 với mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 29.880.000 đồng; tại phiên toà, ông Lý B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc ông K trả tiền lãi suất tính từ ngày hoà giải tại ấp H, xã H1, huyện X cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01 tháng 4 năm 2025 là 1.200.000 đồng. Do việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này.

Xét thấy, tại thời điểm hoà giải ở cơ sở ấp H, xã H1, huyện X thì ông Trần Văn K thừa nhận nợ ông Trần Văn L số tiền 50.000.000 đồng, nên việc ông K phải trả tiền lãi trên nợ vốn vay tính từ ngày hoà giải ở cơ sở ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01 tháng 4 năm 2025 là có cơ sở. Ông K chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; do nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh các bên thoả thuận mức lãi suất, nên mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, theo quy định này thì mức lãi suất được xác định là 10%/năm. Như vậy, người đại diện hợp pháp của ông L yêu cầu ông K trả cho ông L số tiền lãi 1.200.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng ông L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn K phải trả cho ông L số tiền vốn vay và lãi suất, là có căn cứ chấp nhận, nên buộc ông K trả cho ông L số tiền nợ tổng cộng là 51.200.000 đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng), gồm tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền lãi là 1.200.000 đồng.

Do buộc ông K trả ông L bằng tiền nên căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp bên có nghĩa vụ là ông K chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Vì vậy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Ông Trần Văn K có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn ông L, nên ông K phải chịu án phí sơ thẩm như sau: 51.200.000 đồng x 5% = 2.560.000 đồng.

[5.2] Ông Trần Văn L không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, về việc buộc bị đơn ông Trần Văn K trả tiền vay.

Buộc bị đơn ông Trần Văn K trả cho nguyên đơn ông Trần Văn L số tiền tổng cộng là 51.200.000 đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó gồm:

- Tiền vốn vay: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Tiền lãi: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 01 tháng 4 năm 2025.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Trần Văn L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Trần Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Văn K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.560.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

3.2. Trả lại cho ông Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008365 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn ông Trần Văn K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh